TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Gia Ảnh.

2. Ông Nguyễn Văn Hơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 07 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1972; địa chỉ: ấp C, xã PP, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn T - sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã PP, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đ trình bày: Năm 1991 bà và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định gì không hiểu luật. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc được 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T thường xuyên nhậu và dùng lời lẽ chửi mắn bà nên bà đã sống ly thân với ông T 9 tháng nay mà không hàn gắn được. Do đó, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: gồm có hai người con chung tên Phan Tấn L, sinh năm 1997 và Phan Thị Thảo N, sinh năm 1998, tất cả đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật nên bà Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: bà Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Còn đối với bị đơn là ông T thì mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 6/8/2019 thì ông T đã trình bày: ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ ông vì ông theo đạo và hiện tại thì cuộc sống vợ chồng ông không có gì thay đổi.

Về con chung, tài sản và nợ chung thì ông T thống nhất như lời trình bày của bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân về việc: "*Ly hôn*" theo qui định tại điều 51, điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL.

[2] Xét thấy, bà Đ và ông T đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991. Mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng cho đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 không công nhận bà Đ và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: bà Đ cho rằng trong quá trình sống chung thì bà với ông T có tạo ra hai người con chung tên Phan Tấn L, sinh năm 1997 và Phan Thị Thảo N, sinh năm 1998, tất cả đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật, bà Đ không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai thì bà Đ, ông T đều không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

Về nợ chung: Bà Đ, ông T đều thống nhất là ông bà không có nợ chung không yêu cầu Tòa giải quyết nên cũng không đặt ra để xem xét.

Ngoài ra, bà Đ còn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: có hai người con chung tên Phan Tấn L, sinh năm 1997 và Phan Thị Thảo N, sinh năm 1998, tất cả đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật, bà Đ, ông T không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa không đặt ra để xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Đ và ông T đều không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Đ và ông T đều thống nhất là ông bà không có nợ chung không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà Đ nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0004406 ngày 15/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được chuyển sang án phí là đủ.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện CL;
-Chi cục T.H.A DS CL;
-UBND xã PP;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ THÚY HẰNG